TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 951/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/9/2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thảo
2. Ông Nguyễn Bảo Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 554/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp ‘‘Ly hôn’’ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 139/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 14/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H – sinh năm 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: 92 đường G, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Nguyễn Đăng L – sinh năm 1986

Địa chỉ: 92 đường G, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Ông Nguyễn Đăng L vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 17/5/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Bà và ông Nguyễn Đăng L tự

nguyện kết hôn năm 2013 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 218/2013; Quyển số: 02/2013 do UBND Phường M, quận B cấp ngày 05/12/2013). Quá trình chung sống không hạnh phúc, do ông L không lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, nay bà yêu cầu được ly hôn với ông L để giải thoát cho hai mẹ con, để con không bị ảnh hưởng những thói quen, tật xấu của bố.

Về con chung: Có 1 con chung là Nguyễn Đăng Đức T – sinh ngày 30/8/2014, sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho ông L để tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L đều vắng mặt.

Tại phiên tòa, Bị đơn – ông Nguyễn Đăng L vắng mặt.

Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Bà yêu cầu ly hôn với ông L vì tình cảm vợ chồng không còn, trước lần làm đơn này bà đã 2 lần làm đơn sau đó rút đơn để cho ông L cơ hội nhưng tình trạng hôn nhân không cải thiện. Sau khi hôn bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Hà khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Linh có nơi cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà H thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn – bà H có mặt. Bị đơn ông L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số: 218/2013; Quyển số: 02/2013 do UBND Phường M, quận Bc ấp ngày 05/12/2013 thì quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông L là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà H yêu cầu được ly hôn với ông L vì quá trình chung sống không hạnh phúc, ông L không có trách nhiệm với vợ con, chỉ lo ăn chơi, trước lần làm đơn này bà đã 2 lần làm đơn sau đó rút đơn để cho ông L cơ hội sửa chữa, vợ chồng đoàn tụ, nhưng tình trạng hôn nhân không cải thiện.

Xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, ông L đã không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án chứng tỏ ông L không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn giữa các bên là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, cho bà H được ly hôn ông L để hai bên cùng ổn định cuộc sống.

[5] Về con chung: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số: 408/2014; Quyển số: 03/2014 do UBND Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/9/2014 thì cháu Nguyễn Đăng Đức T – sinh ngày 30/8/2014 là con chung của bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Nguyễn Đăng L.

Bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Cháu T còn nhỏ, để ổn định sinh hoạt, học hành của cháu T, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, quyết định giao cháu Thịnh cho bà H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông Linh cấp dưỡng nuôi cháu T do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T đối với ông L do bà H không yêu cầu.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không có gì phải xem xét giải quyết, nếu sau này ông L có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[8] Về án phí: Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thanh H.

a. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn ông Nguyễn Đăng L.

b. Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Đăng Đức T – sinh ngày 30/8/2014 cho bà Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Đăng Đức T đối với ông Nguyễn Đăng L do bà Nguyễn Thị Thanh H không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

c. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày không có, nếu sau này ông Nguyễn Đăng L có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

2/ Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Thị Thanh H chịu, được cấn trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Thanh H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0038520 ngày 28/5/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4/ Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Đăng L được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

5/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận :
-Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
-Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
-Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương